

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02-8-2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mến

Ông Nguyễn Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Nguyễn Mộng Cẩm – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2018/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/7/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng N**, sinh năm 1982. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã T1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ tạm trú: ấp A1, xã A2, huyện C, tỉnh Trà Vinh

- Bị đơn: Anh **Võ Văn P**, sinh năm 1978. (Vắng mặt)

Địa chỉ : ấp C, xã T1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 17/4/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày: Chị và anh Võ Văn P thành hôn năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long ngày 02/02/2005. Vợ chồng sống chung thời gian đầu có hạnh phúc nhưng sau này vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do anh P không chung thủy trong quan hệ vợ chồng, có quan hệ

vợ chồng với em gái ruột của chị. Chị nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh P không thay đổi và đánh đập chị nên chị và anh P cắt đứt quan hệ từ năm 2011 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung, yêu cầu được ly hôn với anh P. Về con chung, thời gian chị và anh P sống chung có 01 con chung tên Võ Thị Hồng A, sinh ngày 02/5/2007 hiện đang sống chung với anh P, chị để anh P tiếp tục nuôi con, chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn anh Võ Văn P, đồng thời triệu tập các đương sự đến tham gia phiên hoà giải nhiều lần nhưng phía anh P không trình bày ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên toà nhưng anh P vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Võ Văn P tại phiên toà hôm nay.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật, riêng bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không gửi văn bản trình bày ý kiến, không tham gia các phiên hòa giải phiên họp, phiên tòa là vi phạm quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng các điều 9, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với anh Võ Văn P.

- Về con chung: Giao cháu Võ Thị Hồng A, sinh ngày 02/5/2007 cho anh Võ Văn P tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu A. Anh P là người đang trực tiếp nuôi con nhưng không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị miễn xét.

-Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên đề nghị miễn xét.

- Về án phí: Đề nghị buộc chị N nộp 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Võ Văn P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự,

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Võ Văn P thành hôn năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long ngày 02/02/2005 nên xem đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày có xảy ra mâu thuẫn do anh Võ Văn P không chung thủy trong quan hệ vợ chồng nên anh chị đã cắt đứt quan hệ vợ chồng khoảng từ năm 2011 đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tổng đạt hợp lệ các tài liệu chứng cứ nguyên đơn đã nộp, thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn anh Võ Văn P. Nhưng anh P không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N và không tham gia các phiên hòa giải. Chứng tỏ, anh P không mong muốn vợ chồng đoàn tụ, thống nhất nội dung trình bày trong đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh P lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày giữa chị và Võ Văn P có 01 con chung là Võ Thị Hồng A, sinh ngày 02/5/2007 hiện đang sống chung với anh P. Tại biên bản xác minh ngày 03/5/2018 ông Nguyễn Văn Đ - Trưởng ấp C và chị Nguyễn Thị Hồng T2 đang sống chung như vợ chồng với anh P xác định cháu A sống chung với anh P, chị T2 từ năm 2011 đến nay, cháu được chăm sóc chu đáo và cho học hành đầy đủ. Mặc khác, tại bản tự khai ngày 20/6/2018, cháu A trình bày có nguyện vọng là tiếp tục sống chung với cha. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy đề cần giao cháu Võ Thị Hồng A cho anh Võ Văn P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con nhưng anh Võ Văn P là người đang trực tiếp nuôi con, anh P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chị Nguyễn Thị Hồng N yêu cầu ly hôn nên chị N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[7] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N.
2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N ly hôn với bị đơn anh Võ Văn P.
3. Về con chung: Giao cháu Võ Thị Hồng A, sinh ngày 02/5/2007 cho anh Võ Văn P tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Hồng N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.
4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0014549 ngày 18/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, chị N không phải nộp tiếp.
5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể ngày tuyên án, riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ;
- Chi cục Thi hành án huyện;
- Ủy ban nhân dân xã T1 (Theo GCN KH số 09, quyển I, ngày 02/02/2005;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(*Đã ký*)

Nguyễn Thị Thu Nga